

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN Ô MÔN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST

Ngày: 29 - 7 - 2022

V/v: Tranh chấp chia tài sản sau  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN –THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Trần Thanh Thế.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trung.

2. Bà Ngô Thị Út Hậu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Dũng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

**- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Phụng.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu P**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu vực L, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà **Lý Ngọc C**, sinh năm 1997. (có mặt)

Địa chỉ: Số X, đường H, khu vực B, phường Tr, quận B, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 07/9/2020)

Bị đơn: Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực L, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ. *(Đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 11/2019/QĐST-VDS ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ).*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị **Trần Thanh Dáng Th**, sinh năm 1999. *(có mặt)*

2/ Anh **Trần Gia K**, sinh năm 2000. *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: Khu vực L, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

3/ **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng A**. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu vực L, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

4/ **Ngân hàng N**.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Phan Chí H** – Giám đốc.

Địa chỉ: Quốc lộ O, khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

*(xin vắng mặt)*

5/ **Phòng giao dịch Ngân hàng S**.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Việt L** – Phó Giám đốc. *(Văn bản ủy quyền số 21/UQ-NHCS ngày 10/3/2021)*

Địa chỉ: Số Q, đường Đ, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ. *(xin vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo Đơn khởi kiện ngày 08/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu P (có đại diện là bà Lý Ngọc C) trình bày:**

Bà P và ông Trần Văn B là vợ chồng, trong thời gian chung sống có được 02 người con chung là chị Trần Thanh Dáng Th và anh Trần Gia K. Bà P và ông B có tài sản chung là diện tích đất 208,3m<sup>2</sup> và 01 căn nhà gắn liền trên đất, thuộc thửa 770, tờ bản đồ số 7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00409 cấp ngày 16/4/2010 do ông Trần Văn B đứng tên. Ngoài ra, bà P và ông B có nợ chung gồm: Nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng A số tiền 15.100.000 đồng; Nợ Ngân hàng N số tiền 20.000.000 đồng (có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng S số tiền 120.000.000 đồng (do nhầm lẫn nên đơn khởi kiện ghi là 80.000.000 đồng).

Năm 2017, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên ông B bỏ đi, bà P nhiều lần tìm kiếm vẫn không có thông tin. Ngày 11/8/2019, ông B bị tuyên bố mất tích

theo Quyết định số 11/2019/QĐST-VDS của Tòa án nhân dân quận Ô Môn. Ngày 26/5/2020, bà P và ông B ly hôn theo Bản án số 19/2020/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân quận Ô Môn nhưng về tài sản chung và nợ chung chưa được giải quyết.

Ngày 15/01/2021, bà P đã trả cho Ngân hàng N số tiền nợ 20.000.000 đồng nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được giải chấp vì tài sản còn đang tranh chấp. Đối với số tiền nợ Phòng giao dịch Ngân hàng S 120.000.000 đồng vẫn chưa đến hạn trả nợ, bà đồng ý nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 120.000.000 đồng khi đến hạn. Đối với số tiền nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng A 15.100.000 đồng, bà sẽ giải quyết sau.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của bà P và ông B cụ thể như sau: Bà P yêu cầu được nhận toàn bộ nhà, đất tại thửa đất 770. Bà P đồng ý chia giao cho ông B  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà, đất đã được định giá và ghi nhận theo Biên bản định giá ngày 06/4/2021. Đồng thời, bà yêu cầu áp dụng mức giá đất theo Nhà nước quy định để giải quyết vụ án. Phần giá trị nhà, đất ông B được nhận sẽ tạm giao cho chị Trần Thanh Dáng Th quản lý.

***\* Tại Bản tự khai ngày 11/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thanh Dáng Th và anh Trần Gia K thống nhất trình bày:***

Anh, chị là con ruột của ông Trần Văn B và bà Trần Thị Thu P. Trong quá trình chung sống, ông B và bà P cùng nhau tạo lập được quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BA729484, số vào sổ cấp GCN: CH00409, do Ủy ban nhân dân quận Ô Môn cấp ngày 16/4/2010 cho ông Trần Văn B. Thời gian đầu ông B và bà P sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 01 năm 2017, ông B nói đi làm ăn xa sau đó thì không về nhà, bà P nhiều lần liên lạc nhưng không được. Mặc dù, bà P đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm ông B nhưng không có kết quả và chính quyền địa phương cũng đã xác nhận ông B đã bỏ địa phương đi biệt tích từ tháng 01 năm 2017. Sau đó, bà P làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ô Môn tuyên bố mất tích đối với ông B. Ngày 26/05/2020, ông B và bà P ly hôn theo Bản án số 19/2020/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân quận Ô Môn nhưng chưa giải quyết về việc chia tài sản chung, nợ chung của ông B và bà P. Nay bà P khởi kiện ông B

để yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn, anh chị thống nhất ý kiến và yêu cầu của bà P.

***- Tại Bản tự khai ngày 10/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng giao dịch Ngân hàng S (có đại diện là ông Nguyễn Việt L) trình bày:***

Phòng giao dịch Ngân hàng S có cho bà Trần Thị Thu P vay các khoản vay như sau:

- Ngày 10/10/2017, bà Trần Thị Thu P vay vốn chương trình cho vay Học sinh – sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, giải ngân nhiều đợt. Tính đến ngày 12/10/2020, số tiền giải ngân là 70.000.000 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/7/2026.

- Ngày 09/6/2020, bà Trần Thị Thu P có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6600000717997649/2020/HĐTD, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/6/2025.

Quá trình vay vốn, bà P có thực hiện nghĩa vụ trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận. Nay Ngân hàng thống nhất ý kiến với sự thỏa thuận của bà P về việc bà P tự chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 120.000.000 đồng nêu trên. Do hiện nay các khoản vay vẫn còn trong hạn nên Ngân hàng đồng ý cho bà P được tiếp tục thực hiện hợp đồng vay, Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng sẽ yêu cầu giải quyết thành vụ án khác. Ngân hàng yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án.

***- Tại Bản tự khai ngày 25/02/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N (có đại diện là ông Phan Chí H) trình bày:***

Trước đây, gia đình ông Trần Văn B và bà Trần Thị Thu P có vay của Ngân hàng N số tiền 20.000.000 đồng, hạn trả ngày 25/9/2019, mục đích trồng cây lâu năm. Đến nay khoản vay trên đã tất toán tại Ngân hàng, do bà P nộp trả nợ. Vì vậy Ngân hàng N không yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc có liên quan. Về việc tranh chấp giữa bà P và ông B, Ngân hàng không có ý kiến nên Ngân hàng xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

*Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn bà Trần Thị Thu P (có đại diện là bà Lý Ngọc C) rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc giải quyết nợ chung của bà P và ông B, nguyên đơn đồng ý chịu trách nhiệm trả số nợ trên. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của bà P và ông B là nhà, đất có diện tích 226,6m<sup>2</sup> (100m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị và 126,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 770. Bà P đồng ý trả ½ giá trị nhà, đất cho ông B tương ứng số tiền 150.000.000 đồng, giao cho chị Th quản lý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thanh Dáng Th và anh Trần Gia K thống nhất ý kiến với sự thỏa thuận trên của nguyên đơn.

***- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 227, 228 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 69, 213 và 219 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Bà P được tiếp tục sử dụng nhà đất tại thửa 770 và chia giao lại cho ông B ½ giá trị nhà, đất với số tiền là 150.000.000 đồng, giao cho chị Th quản lý tài sản của ông B; đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần nợ chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn ông Trần Văn B đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 11/2019/QĐST-VDS ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vật liệu xây dựng A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do; Ngân hàng N (có đại diện là ông Phan Chí H) và Phòng giao dịch Ngân hàng S (có đại diện là ông Nguyễn Việt L) xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại

Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Qua xem xét nội dung vụ án, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Quá trình giải quyết vụ án, bà P đã trả cho Ngân hàng N số tiền đã vay là 20.000.000 đồng; đồng thời, bà P đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền vay của Phòng giao dịch Ngân hàng S là 120.000.000 đồng. Do hiện nay các khoản vay vẫn còn trong hạn và bà P có thực hiện nghĩa vụ trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận nên Phòng giao dịch Ngân hàng S không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do bà P đã tự nguyện trả toàn bộ số tiền nợ và không yêu cầu giải quyết nên tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia nghĩa vụ trả nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn cho rằng, bà P và ông B chung sống với nhau từ năm 1998, đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống bà P và ông B có tạo lập được tài sản chung là diện tích đất 208,3m<sup>2</sup> (thuộc thửa 770) và 01 căn nhà gắn liền trên đất, ngày 16/4/2010, ông Trần Văn B được Ủy ban nhân dân quận Ô Môn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00409 đối với diện tích đất nêu trên. Năm 2017, do mâu thuẫn vợ chồng nên ông B bỏ đi, bà P cùng chị Th và anh K tiếp tục sử dụng nhà đất cho đến nay. Do khi thực hiện thủ tục ly hôn chưa giải quyết phần tài sản chung của bà P và ông B nên nay bà P yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, bà P yêu cầu được nhận nhà, đất để sử dụng và đồng ý chia giao lại cho ông B ½ giá trị nhà đất.

Xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 thì quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng; trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung. Đồng thời, theo quy

định tại Điều 213 Bộ luật dân sự, vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển khối tài sản chung có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; tài sản chung của vợ chồng có thể phân chia theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của Tòa án. Như vậy có đủ cơ sở để xác định nhà và đất thuộc thửa 770 là tài sản chung của bà P và ông B. Từ khi bị tuyên bố mất tích đến nay, ông B không trở về địa phương; hiện nay bà P đang sử dụng nhà đất để ở, ngoài ra, bà P không còn chỗ ở nào khác. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc ổn định cho bà P được tiếp tục sử dụng nhà, đất thuộc thửa 770; đồng thời chia giao lại cho ông B  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà đất là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 06/4/2021, giá trị tài sản tranh chấp được xác định như sau: Giá trị căn nhà: 20.815.000 đồng + 10.569.000 đồng + 119.423.000 đồng = 150.807.000 đồng. Giá trị đất:  $(100\text{m}^2 \text{ ODT} \times 700.000\text{đồng/m}^2) + (126,6\text{m}^2 \text{ CLN} \times 158.000\text{đồng/m}^2) = 90.002.800$  đồng. Tổng giá trị nhà, đất là 150.807.000 đồng + 90.002.800 đồng = 240.809.800 đồng.

Tuy nhiên, nhằm đảm bảo quyền lợi của ông B, nguyên đơn tự xác định giá trị nhà, đất theo giá thị trường là 300.000.000 đồng và đồng ý chia giao cho ông B  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà, đất với số tiền là 150.000.000 đồng; chị Th và anh K thống nhất với mức giá này và không có ý kiến gì khác. Xét thấy, sự tự nguyện của thỏa thuận trên của nguyên đơn, chị Th và anh K không làm ảnh hưởng quyền lợi của ông B nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do ông B đã bị tuyên bố mất tích nên tài sản của ông B sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 69 Bộ luật dân sự, cụ thể: “... Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích ly hôn thì tài sản của người mất tích được giao cho con thành niên hoặc cha, mẹ của người mất tích quản lý; ...”.

Theo nội dung Đơn xin xác nhận nơi cư trú của đương sự ngày 18/3/2021 (có xác nhận của chính quyền địa phương) thì cha mẹ của ông B là ông Trần Văn L1 và bà Nguyễn Thị Kiều Ng. Bà Ng đã chết năm 1998, còn ông L1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực Th, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ nhưng hiện nay không còn sinh sống tại địa phương. Bà P và ông B đã ly hôn và có 02 người con chung là chị Trần Thanh Dáng Th và anh Trần Gia K. Đối chiếu quy định tại Điều 69 Bộ luật dân sự thì tài sản của ông B sau khi được

phân chia sẽ giao cho con của ông B là chị Th và anh K quản lý. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh K đồng ý để chị Th quản lý tài sản của ông B, ngoài ra anh K không có yêu cầu gì khác. Do đó, cần buộc bà P giao trả cho chị Th phần tài sản chung ông B được chia tương ứng số tiền 150.000.000 đồng là phù hợp.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 70 Bộ luật dân sự: “... *Người bị tuyên bố mất tích trở về được nhận lại tài sản do người quản lý tài sản chuyển giao sau khi đã thanh toán chi phí quản lý. ...*”. Như vậy, chị Th là người quản lý tài sản của ông B nên chị Th có nghĩa vụ chịu các khoản chi phí liên quan tài sản của ông B. Trường hợp sau này ông B trở về và nhận lại tài sản thì chị Th có quyền yêu cầu thanh toán các chi phí này.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên cho thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[4] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và Trích đo địa chính:** Nguyên đơn đã tạm nộp số tiền 5.608.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng*), đã chi hết. Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này.

**[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà P và ông B - mỗi người phải nộp số tiền 7.500.000 đồng theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Th có nghĩa vụ nộp thay ông B số tiền án phí nêu trên.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Điều 28, 35, 147, 157, 165, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 69, 70, 213, 219 và 220 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 29 và 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu P (có đại diện là bà Lý Ngọc C) đối với bị đơn ông Trần Văn B.**

Bà Trần Thị Thu P được quyền sử dụng diện tích đất 208,3m<sup>2</sup> (diện tích đất thực tế là 226,6m<sup>2</sup>) thuộc thửa 770, tờ bản đồ số 7 và 01 (*một*) căn nhà gắn liền trên đất (*đã được thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2021*). Nhà, đất tọa lạc tại khu vực Thới Lợi, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Buộc bà Trần Thị Thu P trả cho ông Trần Văn B số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Chị Trần Thanh Giáng Th được quyền nhận thay và quản lý số tiền trên cho ông Trần Văn B.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Sau khi bà P thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng N (có đại diện là ông Phan Chí H) có trách nhiệm giao trả cho bà Trần Thị Thu P 01 (*một*) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00409 do Ủy ban nhân dân quận Ô Môn cấp ngày 16/4/2010 do ông Trần Văn B đứng tên.

Bà P được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định.

*(Đính kèm Bản trích đo địa chính số 53/TTKTTNMT ngày 03/6/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).*

**2/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu P (có đại diện là bà Lý Ngọc C) đối với bị đơn ông Trần Văn B về phần nợ chung.**

**- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản và Trích đo địa chính:**  
Nguyên đơn bà Trần Thị Thu P (có đại diện là bà Lý Ngọc C) tự nguyện chịu số tiền 5.608.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng*), đã nộp xong.

**- Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Trần Thanh Dáng Th nộp thay cho ông Trần Văn B số tiền 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bà Trần Thị Thu P phải nộp số tiền 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 011381 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà P còn phải nộp thêm số tiền 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Bùi Trần Thanh Thế**